

Kinh Đại Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa
(Trọn bộ 24 tập)

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang
Việt dịch: Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm
Khảo dịch: Hòa Thượng Thích Thiện Siêu
Sàigòn 1998

--- o0o ---

Tập 3
Quyển Thứ 51
Hội Thứ Nhất

PHẨM ÁO GIÁP ĐẠI THỪA
Thứ 14 - 3

Bạch Thế Tôn! Bồ thí Ba-la-mật-đa không buộc không mở. Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tiến, Tĩnh lực, Bát-nhã Ba-la-mật-đa không buộc không mở. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Bồ thí Ba-la-mật-đa tánh vô sở hữu, nên không buộc không mở; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tiến, Tĩnh lực, Bát-nhã Ba-la-mật-đa tánh vô sở hữu, nên không buộc không mở. Bồ thí Ba-la-mật-đa tánh xa lìa, nên không buộc không mở; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tiến, Tĩnh lực, Bát-nhã Ba-la-mật-đa tánh xa lìa, nên không buộc không mở. Bồ thí Ba-la-mật-đa tánh vắng lặng, nên không buộc không mở; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tiến, Tĩnh lực, Bát-nhã Ba-la-mật-đa tánh vắng lặng, nên không buộc không mở. Bồ thí Ba-la-mật-đa tánh không, nên không buộc không mở; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tiến, Tĩnh lực, Bát-nhã Ba-la-mật-đa tánh không, nên không buộc không mở. Bồ thí Ba-la-mật-đa tánh vô tướng, nên không buộc không mở; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tiến, Tĩnh lực, Bát-nhã Ba-la-mật-đa tánh vô tướng, nên không buộc không mở. Bồ thí Ba-la-mật-đa tánh vô nguyện, nên không buộc không mở; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tiến, Tĩnh lực, Bát-nhã Ba-la-mật-đa tánh vô nguyện, nên không buộc không mở. Bồ thí Ba-la-mật-đa tánh vô sanh, nên không buộc không mở; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tiến, Tĩnh lực, Bát-nhã Ba-la-mật-đa tánh vô sanh, nên không buộc không mở. Bồ thí Ba-la-mật-đa tánh vô diệt, nên không buộc không mở; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tiến, Tĩnh lực, Bát-nhã Ba-la-mật-đa tánh vô diệt, nên không buộc không mở. Bồ thí Ba-la-mật-đa tánh vô nhiễm, nên không buộc không mở; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tiến, Tĩnh lực, Bát-nhã Ba-la-mật-đa tánh vô nhiễm, nên không buộc không mở. Bồ thí Ba-la-mật-đa tánh vô tịnh, nên không buộc không mở; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tiến, Tĩnh lực, Bát-nhã Ba-la-mật-đa tánh vô tịnh, nên không buộc không mở.

Bạch Thế Tôn! Năm nhãn không buộc không mở, sáu thần thông không buộc không mở. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Năm nhãn tánh vô sở hữu, nên không buộc không mở; sáu thần thông tánh vô sở hữu, nên không buộc không mở. Năm nhãn tánh xa lìa, nên không buộc không mở; sáu thần thông tánh xa lìa, nên không buộc không mở. Năm nhãn tánh vắng lặng, nên không buộc không mở; sáu thần thông tánh vắng lặng, nên không buộc không mở. Năm nhãn tánh không, nên không buộc không mở; sáu thần thông tánh không, nên không buộc không mở. Năm nhãn tánh vô tướng, nên không buộc không mở; sáu thần thông tánh vô tướng, nên không buộc không mở. Năm nhãn tánh vô nguyện, nên không buộc không mở; sáu thần thông tánh vô nguyện, nên không buộc không mở. Năm nhãn tánh vô sanh, nên không buộc không mở; sáu thần thông tánh vô sanh, nên không buộc không mở. Năm nhãn tánh vô diệt, nên không buộc không mở; sáu thần thông tánh vô diệt, nên không buộc không mở. Năm nhãn tánh vô nhiễm, nên không buộc không mở; sáu thần thông tánh vô nhiễm, nên không buộc không mở. Năm nhãn tánh vô tịnh, nên không buộc không mở; sáu thần thông tánh vô tịnh, nên không buộc không mở.

Bạch Thế Tôn! Phật mười lực không buộc không mở; bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, nhất thiết trí, đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí không buộc không mở. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Phật mười lực tánh vô sở hữu, nên không buộc không mở; bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, nhất thiết trí, đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí tánh vô sở hữu, nên không buộc không mở. Phật mười lực tánh

xa lìa, nên không buộc không mở; bốn vô sở úy cho đến nhất thiết tướng trí tánh xa lìa, nên không buộc không mở. Phật mười lực tánh vắng lặng, nên không buộc không mở; bốn vô sở úy cho đến nhất thiết tướng trí tánh vắng lặng, nên không buộc không mở. Phật mười lực tánh không, nên không buộc không mở; bốn vô sở úy cho đến nhất thiết tướng trí tánh không, nên không buộc không mở. Phật mười lực tánh vô tướng, nên không buộc không mở; bốn vô sở úy cho đến nhất thiết tướng trí tánh vô tướng, nên không buộc không mở. Phật mười lực tánh vô nguyện, nên không buộc không mở; bốn vô sở úy cho đến nhất thiết tướng trí tánh vô nguyện, nên không buộc không mở. Phật mười lực tánh vô sanh, nên không buộc không mở; bốn vô sở úy cho đến nhất thiết tướng trí tánh vô sanh, nên không buộc không mở. Phật mười lực tánh vô diệt, nên không buộc không mở; bốn vô sở úy cho đến nhất thiết tướng trí tánh vô diệt, nên không buộc không mở. Phật mười lực tánh vô nhiễm, nên không buộc không mở; bốn vô sở úy cho đến nhất thiết tướng trí tánh vô nhiễm, nên không buộc không mở. Phật mười lực tánh vô tịnh, nên không buộc không mở; bốn vô sở úy cho đến nhất thiết tướng trí tánh vô tịnh, nên không buộc không mở.

Bạch Thế Tôn! Chơn như không buộc không mở; pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, pháp định, pháp trụ, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, thật tế, vô vi không buộc không mở. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Chơn như tánh vô sở hữu, nên không buộc không mở; pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, pháp định, pháp trụ, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, thật tế, vô vi tánh vô sở hữu, nên không buộc không mở. Chơn như tánh xa lìa, nên không buộc không mở; pháp giới cho đến vô vi tánh xa lìa, nên không buộc không mở. Chơn như tánh vắng lặng, nên không buộc không mở; pháp giới cho đến vô vi tánh vắng lặng, nên không buộc không mở. Chơn như tánh không, nên không buộc không mở; pháp giới cho đến vô vi tánh không, nên không buộc không mở. Chơn như tánh vô tướng, nên không buộc không mở; pháp giới cho đến vô vi tánh vô tướng, nên không buộc không mở. Chơn như tánh vô nguyện, nên không buộc không mở; pháp giới cho đến vô vi tánh vô nguyện, nên không buộc không mở. Chơn như tánh vô sanh, nên không buộc không mở; pháp giới cho đến vô vi tánh vô sanh, nên không buộc không mở. Chơn như tánh vô diệt, nên không buộc không mở; pháp giới cho đến vô vi tánh vô diệt, nên không buộc không mở. Chơn như tánh vô nhiễm, nên không buộc không mở; pháp giới cho đến vô vi tánh vô nhiễm, nên không buộc không mở. Chơn như tánh vô tịnh, nên không buộc không mở; pháp giới cho đến vô vi tánh vô tịnh, nên không buộc không mở.

Bạch Thế Tôn! Bồ-đề không buộc không mở. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Bồ-đề tánh vô sở hữu, nên không buộc không mở. Bồ-đề tánh xa lìa, nên không buộc không mở. Bồ-đề tánh vắng lặng, nên không buộc không mở. Bồ-đề tánh không, nên không buộc không mở. Bồ-đề tánh vô tướng, nên không buộc không mở. Bồ-đề tánh vô nguyện, nên không buộc không mở. Bồ-đề tánh vô sanh, nên không buộc không mở. Bồ-đề tánh vô diệt, nên không buộc không mở. Bồ-đề tánh vô nhiễm, nên không buộc không mở. Bồ-đề tánh vô tịnh, nên không buộc không mở.

Bạch Thế Tôn! Tát-đỏa không buộc không mở. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Tát-đỏa tánh vô sở hữu, nên không buộc không mở. Tát-đỏa tánh xa lìa, nên không buộc không mở. Tát-đỏa tánh vắng lặng, nên không buộc không mở. Tát-đỏa tánh không, nên không buộc không mở. Tát-đỏa tánh vô tướng, nên không buộc không mở. Tát-đỏa tánh vô nguyện, nên không buộc không mở. Tát-đỏa tánh vô sanh, nên không buộc không mở. Tát-đỏa tánh vô diệt, nên không buộc không mở. Tát-đỏa tánh vô nhiễm, nên không buộc không mở. Tát-đỏa tánh vô tịnh, nên không buộc không mở.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát không buộc không mở. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát tánh vô sở hữu, nên không buộc không mở. Bồ-tát Ma-ha-tát tánh xa lìa, nên không buộc không mở. Bồ-tát Ma-ha-tát tánh vắng lặng, nên không buộc không mở. Bồ-tát Ma-ha-tát tánh không, nên không buộc không mở. Bồ-tát Ma-ha-tát tánh vô tướng, nên không buộc không mở. Bồ-tát Ma-ha-tát tánh vô nguyện, nên không buộc không mở. Bồ-tát Ma-ha-tát tánh vô sanh, nên không buộc không mở. Bồ-tát Ma-ha-tát tánh vô diệt, nên không buộc không mở. Bồ-tát Ma-ha-tát tánh vô nhiễm, nên không buộc không mở. Bồ-tát Ma-ha-tát tánh vô tịnh, nên không buộc không mở.

Bạch Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không buộc không mở. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tánh vô sở hữu, nên không buộc không mở. Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tánh xa lìa, nên không buộc không mở. Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tánh vắng lặng, nên không

buộc không mở. Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tánh không, nên không buộc không mở. Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tánh vô tướng, nên không buộc không mở. Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tánh vô nguyện, nên không buộc không mở. Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tánh vô sanh, nên không buộc không mở. Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tánh vô diệt, nên không buộc không mở. Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tánh vô nhiễm, nên không buộc không mở. Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tánh vô tịnh, nên không buộc không mở.

Bạch Thế Tôn! Kẻ giác giả Vô thượng Chánh đẳng không buộc không mở. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Kẻ giác giả Vô thượng Chánh đẳng tánh vô sở hữu, nên không buộc không mở. Kẻ giác giả Vô thượng Chánh đẳng tánh xa lìa, nên không buộc không mở. Kẻ giác giả Vô thượng Chánh đẳng tánh vắng lặng, nên không buộc không mở. Kẻ giác giả Vô thượng Chánh đẳng tánh không, nên không buộc không mở. Kẻ giác giả Vô thượng Chánh đẳng tánh vô tướng, nên không buộc không mở. Kẻ giác giả Vô thượng Chánh đẳng tánh vô nguyện, nên không buộc không mở. Kẻ giác giả Vô thượng Chánh đẳng tánh vô sanh, nên không buộc không mở. Kẻ giác giả Vô thượng Chánh đẳng tánh vô diệt, nên không buộc không mở. Kẻ giác giả Vô thượng Chánh đẳng tánh vô nhiễm, nên không buộc không mở. Kẻ giác giả Vô thượng Chánh đẳng tánh vô tịnh, nên không buộc không mở.

Bạch Thế Tôn! Lấy tóm mà nói: Tất cả pháp đều không buộc không mở. Vì có sao? Bạch Thế Tôn! Tất cả pháp tánh vô sở hữu, nên không buộc không mở. Tất cả pháp tánh xa lìa, nên không buộc không mở. Tất cả pháp tánh vắng lặng, nên không buộc không mở. Tất cả pháp tánh không, nên không buộc không mở. Tất cả pháp tánh vô tướng, nên không buộc không mở. Tất cả pháp tánh vô nguyện, nên không buộc không mở. Tất cả pháp tánh vô sanh, nên không buộc không mở. Tất cả pháp tánh vô diệt, nên không buộc không mở. Tất cả pháp tánh vô nhiễm, nên không buộc không mở. Tất cả pháp tánh vô tịnh, nên không buộc không mở.

Khi ấy, Mãn-từ-tử hỏi Thiện Hiện rằng: Tôn giả! Nói sắc không buộc không mở, nói thọ tướng hành thức thủy không buộc không mở ư? Thiện Hiện đáp: Như vậy, như vậy.

Mãn-từ-tử nói: Những gì là sắc không buộc không mở, những gì là thọ tướng hành thức thủy không buộc không mở?

Thiện Hiện đáp: Như huyễn sắc không buộc không mở, như huyễn thọ tướng hành thức không buộc không mở. Như mộng sắc không buộc không mở, như mộng thọ tướng hành thức không buộc không mở. Như tượng sắc không buộc không mở, như tượng thọ tướng hành thức không buộc không mở. Như vang sắc không buộc không mở, như vang thọ tướng hành thức không buộc không mở. Như bóng sáng sắc không buộc không mở, như bóng sáng thọ tướng hành thức không buộc không mở. Như không hoa sắc không buộc không mở, như không hoa thọ tướng hành thức không buộc không mở. Như ánh nắng sắc không buộc không mở, như ánh nắng thọ tướng hành thức không buộc không mở. Như thành tầm hương sắc không buộc không mở, như thành tầm hương thọ tướng hành thức không buộc không mở. Như việc biến hóa sắc không buộc không mở, như việc biến hóa thọ tướng hành thức không buộc không mở.

Vì có sao? Mãn-từ-tử! Sắc tánh như huyễn cho đến sắc tánh như việc biến hóa vô sở hữu, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh như huyễn, cho đến thọ tướng hành thức tánh như việc biến hóa vô sở hữu, nên không buộc không mở. Sắc tánh như huyễn, cho đến sắc tánh như việc biến hóa xa lìa, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh như huyễn, cho đến thọ tướng hành thức tánh như việc biến hóa xa lìa, nên không buộc không mở. Sắc tánh như huyễn, cho đến sắc tánh như việc biến hóa vắng lặng, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh như huyễn, cho đến thọ tướng hành thức tánh như việc biến hóa vắng lặng, nên không buộc không mở. Sắc tánh như huyễn, cho đến sắc tánh như việc biến hóa không, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh như huyễn, cho đến thọ tướng hành thức tánh như việc biến hóa không, nên không buộc không mở. Sắc tánh như huyễn, cho đến sắc tánh như việc biến hóa vô tướng, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh như huyễn, cho đến thọ tướng hành thức tánh như việc biến hóa vô tướng, nên không buộc không mở. Sắc tánh như huyễn, cho đến sắc tánh như việc biến hóa vô nguyện, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh như huyễn, cho đến thọ tướng hành thức tánh như việc biến

không buộc không mở, thọ tướng hành thức hữu lậu không buộc không mở. Sắc vô lậu không buộc không mở, thọ tướng hành thức vô lậu không buộc không mở. Sắc tạp nhiễm không buộc không mở, thọ tướng hành thức tạp nhiễm không buộc không mở. Sắc thanh tịnh không buộc không mở, thọ tướng hành thức thanh tịnh không buộc không mở. Sắc thế gian không buộc không mở, thọ tướng hành thức thế gian không buộc không mở. Sắc xuất thế gian không buộc không mở, thọ tướng hành thức xuất thế gian không buộc không mở.

Vì có sao? Mãn-từ-tử! Sắc tánh có nhiễm cho đến sắc tánh xuất thế gian vô sở hữu, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh có nhiễm cho đến thọ tướng hành thức tánh xuất thế gian vô sở hữu, nên không buộc không mở. Sắc tánh có nhiễm cho đến sắc tánh xuất thế gian xa lìa, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh có nhiễm cho đến thọ tướng hành thức tánh xuất thế gian xa lìa, nên không buộc không mở. Sắc tánh có nhiễm cho đến sắc tánh xuất thế gian vắng lặng, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh có nhiễm cho đến thọ tướng hành thức tánh xuất thế gian vắng lặng, nên không buộc không mở. Sắc tánh có nhiễm cho đến sắc tánh xuất thế gian không, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh có nhiễm cho đến thọ tướng hành thức tánh xuất thế gian không, nên không buộc không mở. Sắc tánh có nhiễm cho đến sắc tánh xuất thế gian vô tướng, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh có nhiễm cho đến thọ tướng hành thức tánh xuất thế gian vô tướng, nên không buộc không mở. Sắc tánh có nhiễm cho đến sắc tánh xuất thế gian vô nguyện, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh có nhiễm cho đến thọ tướng hành thức tánh xuất thế gian vô nguyện, nên không buộc không mở. Sắc tánh có nhiễm cho đến sắc tánh xuất thế gian vô sanh, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh có nhiễm cho đến thọ tướng hành thức tánh xuất thế gian vô sanh, nên không buộc không mở. Sắc tánh có nhiễm cho đến sắc tánh xuất thế gian vô diệt, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh có nhiễm cho đến thọ tướng hành thức tánh xuất thế gian vô diệt, nên không buộc không mở. Sắc tánh có nhiễm cho đến sắc tánh xuất thế gian vô nhiễm, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh có nhiễm cho đến thọ tướng hành thức tánh xuất thế gian vô nhiễm, nên không buộc không mở. Sắc tánh có nhiễm cho đến sắc tánh xuất thế gian vô tịnh, nên không buộc không mở; thọ tướng hành thức tánh có nhiễm cho đến thọ tướng hành thức tánh xuất thế gian vô tịnh, nên không buộc không mở.

Mãn-từ-tử! Sắc thọ tướng hành thức không buộc không mở. Như vậy, phải biết cứ như vậy. Nhân xứ cho đến ý xứ. Sắc xứ cho đến pháp xứ. Nhân giới, sắc giới, nhân thức giới và nhân xúc, nhân xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc, ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Địa giới cho đến thức giới. Khô thánh đế cho đến đạo thánh đế. Vô minh cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não. Nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Bốn tĩnh lự cho đến bốn vô sắc định. Bốn niệm trụ cho đến tám thánh đạo chi. Không giải thoát môn cho đến vô nguyện giải thoát môn. Bồ thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Năm nhãn, sáu thần thông. Phật mười lực cho đến nhất thiết tướng trí. Chơn như cho đến vô vi. Bồ-đề, Tát-đoa, Bồ-tát Ma-ha-tát, Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Kẻ giác giả Vô thượng Chánh đẳng. Tất cả pháp tùy chỗ sở ưng không buộc không mở, cũng lại như vậy.

Mãn Từ tử! Các Bồ-tát Ma-ha-tát đối với pháp môn không buộc không mở như vậy, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, đúng như thật mà biết. Đối với như vậy không buộc không mở: Bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc định. Bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thân tức, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, tám thánh đạo chi. Không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Bồ thí, Tịnh giới, An nhãn, Tinh tiến, Tĩnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Năm nhãn, sáu thần thông. Phật mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, nhất thiết trí, đạo tướng trí và nhất thiết tướng trí. Đem vô sở đắc mà làm phương tiện, nên siêng tu học.

Mãn-từ-tử! Các Bồ-tát Ma-ha-tát đem vô sở đắc mà làm phương tiện, nên trụ bốn tĩnh lự không buộc không mở. Cho đến nên trụ nhất thiết tướng trí không buộc không mở. Đem vô sở đắc mà làm phương tiện, nên thành thực hữu tình không buộc không mở, nên nghiêm tịnh cõi Phật không buộc không mở, nên gần gũi cúng dường chư Phật không buộc không mở, và nên nghe lãnh pháp môn không buộc không mở.

Mãn-từ-tử! Bồ-tát Ma-ha-tát này thường chẳng xa lìa chư Phật Thế Tôn không buộc không mở. Thường chẳng xa lìa năm nhãn thanh tịnh không buộc không mở. Thường chẳng xa lìa sáu thần thông thù thắng không buộc không mở. Thường chẳng xa lìa đà-la-ni môn không buộc không mở và thường chẳng xa lìa tam-ma-địa môn không buộc không mở.

Mãn-từ-tử! Bồ-tát Ma-ha-tát này sẽ sanh đạo tướng trí không buộc không mở, sẽ chứng nhất thiết trí và nhất thiết tướng trí không buộc không mở, sẽ quay xe pháp không buộc không mở và sẽ đem pháp Tam thừa không buộc không mở để an lập các hữu tình nơi không buộc không mở.

Mãn-từ-tử! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành sáu Ba-la-mật-đa không buộc không mở là chứng được tất cả pháp vô sở hữu không buộc không mở, nên xa lìa, nên vắng lặng, nên không, nên vô tướng, nên vô nguyền, nên vô sanh, nên vô diệt, nên vô nhiễm, nên vô tịnh và nên không buộc không mở.

Mãn-từ-tử! Phải biết Bồ-tát Ma-ha-tát này mới được gọi tên là kẻ mặc áo giáp Đại thừa không buộc không mở.

--- o0o ---

Hội Thứ Nhất

PHẨM BIỆN ĐẠI THỪA

Thứ 15 - 1

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Vì sao biết là tướng Đại thừa Bồ-tát Ma-ha-tát? Vì sao biết được Bồ-tát Ma-ha-tát phát thú Đại thừa? Đại thừa như vậy, từ chỗ nào ra? Đến trụ chỗ nào? Đại thừa như thế vì sao mà trụ? Ai lại cưới Đại thừa này mà ra?

Phật bảo: Thiện Hiện! Ngươi hỏi vì sao biết là tướng Đại thừa Bồ-tát Ma-ha-tát ấy, nghĩa là sáu Ba-la-mật-đa là tướng Đại thừa Bồ-tát Ma-ha-tát đấy. Những gì là sáu? Là Bồ thí Ba-la-mật-đa, Tịnh giới Ba-la-mật-đa, An nhẫn Ba-la-mật-đa, Tinh tiến Ba-la-mật-đa, Tĩnh lự Ba-la-mật-đa, Bát nhã Ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát Ma-ha-tát Bồ thí Ba-la-mật-đa? Phật bảo: Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, đại bi làm thượng thủ, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, tự mình thí tất cả nội ngoại sở hữu, cũng khuyên kẻ khác thí nội ngoại sở hữu. Đem căn lành này cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Thiện Hiện! Đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát Bồ thí Ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát Ma-ha-tát Tịnh giới Ba-la-mật-đa? Phật bảo: Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, đại bi làm thượng thủ, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, tự mình trụ mười thiện nghiệp đạo, cũng khuyên kẻ khác trụ mười thiện nghiệp đạo. Đem căn lành này cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Thiện Hiện! Đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát Tịnh giới Ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát Ma-ha-tát An nhẫn Ba-la-mật-đa? Phật bảo: Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, đại bi làm thượng thủ, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, tự mình đủ tăng thượng an nhẫn, cũng khuyên kẻ khác đủ tăng thượng an nhẫn. Đem căn lành này cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Thiện Hiện! Đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát An nhẫn Ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát Ma-ha-tát Tinh tiến Ba-la-mật-đa? Phật bảo: Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, đại bi làm thượng thủ, đem vô sở đắc mà làm phương tiện. tự mình nơi sáu Ba-la-mật-đa siêng tu chẳng dứt, cũng khuyên kẻ khác nơi sáu Ba-la-mật-đa siêng tu chẳng dứt. Đem căn lành này cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Thiện Hiện! Đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát Tinh tiến Ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát Ma-ha-tát Tĩnh lự Ba-la-mật-đa? Phật bảo: Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, đại bi làm thượng thủ, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, tự mình năng khéo léo vào các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc, trọn chẳng theo thế lực kia mà thọ sanh; cũng năng khuyên kẻ khác vào các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc khéo léo như mình. Đem căn lành này cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Thiện Hiện! Đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát Tĩnh lự Ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát Ma-ha-tát Bát nhã Ba-la-mật-đa? Phật bảo: Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, đại bi làm thượng thủ, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, tự mình năng như thật quán tất cả pháp tánh, đối các pháp tánh không bị chấp đắm, cũng khuyên kẻ khác như thật quán tất cả pháp tánh, đối các pháp tánh không bị chấp đắm. Đem căn lành này cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Thiện Hiện! Đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát Bát nhã Ba-la-mật-đa. Thiện Hiện! Phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ-tát Ma-ha-tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ-tát Ma-ha-tát ấy nghĩa là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không,

vô tế không, tán không, vô biến dị không, bản tánh không, tự tướng không, cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không. Đây là tướng Đại thừa Bồ-tát Ma-ha-tát.

Thiện Hiện thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Vì sao nội không? Phật bảo: Thiện Hiện! Nội, nghĩa là nội pháp, tức là nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý. Trong đây, nhãn do nhãn không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Nhĩ tỷ thiệt thân ý do nhĩ tỷ thiệt thân ý không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Thiện Hiện! Đây là nội không.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao ngoại không? Phật bảo: Thiện Hiện! Ngoại, nghĩa là ngoại pháp, tức là sắc thanh hương vị xúc pháp. Trong đây, sắc do sắc không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Thanh hương vị xúc pháp do thanh hương vị xúc pháp không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Thiện Hiện! Đây là ngoại không.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao nội ngoại không? Phật bảo: Thiện Hiện! Nội ngoại, nghĩa là nội ngoại pháp, tức là sáu chỗ trong, sáu chỗ ngoài. Trong đây, sáu chỗ trong do sáu chỗ ngoài không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Sáu chỗ ngoài do sáu chỗ trong không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Thiện Hiện! Đây là nội ngoại không.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao không không? Phật bảo: Thiện Hiện! Không, nghĩa là tất cả pháp không. Không đây do không mà không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Thiện Hiện! Đây là không không.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao đại không? Phật bảo: Thiện Hiện! Đại nghĩa là mười phương, tức là đông nam tây bắc, tứ duy, thượng hạ. Trong đây, đông phương do đông phương không, Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Nam tây bắc phương tứ duy, thượng hạ, do nam tây bắc phương tứ duy, thượng hạ không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Thiện Hiện! Đây là đại không.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao thắng nghĩa không? Phật bảo: Thiện Hiện! Thắng nghĩa, nghĩa là Niết-bàn. Thắng nghĩa đây do thắng nghĩa không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Thiện Hiện! Đây là thắng nghĩa không.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao hữu vi không? Phật bảo: Thiện Hiện! Hữu vi, nghĩa là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Trong đây cõi Dục do cõi Dục không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Cõi Sắc, Vô sắc do cõi Sắc, Vô sắc không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Thiện Hiện! Đây là hữu vi không.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao vô vi không? Phật bảo: Thiện Hiện! Vô vi nghĩa là vô sanh, vô trụ, vô dị, vô diệt. Vô vi đây do vô vi không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Thiện Hiện! Đây là vô vi không.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao tất cánh không? Phật bảo: Thiện Hiện! Tất cánh, nghĩa là các pháp rốt ráo bất khả đắc. Tất cánh đây do tất cánh không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Thiện Hiện! Đây là tất cánh không.

Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao vô tế không? Phật bảo: Thiện Hiện! Vô tế nghĩa là không có ngăn mé trước, giữa, sau khả được và không có ngăn mé lui đến khả được. Vô tế đây do vô tế không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. Thiện Hiện! Đây là vô tế không.

Thiện Hiện thưa **Phật**: **Bạch Thế Tôn!** Vì sao tán không? **Phật** bảo: **Thiện Hiện!** Tán nghĩa là có phóng, có vút, có bỏ khả được. Tán đây do tán không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. **Thiện Hiện!** Đây là tán không.

Thiện Hiện thưa **Phật**: **Bạch Thế Tôn!** Vì sao vô biến dị không? **Phật** bảo: **Thiện Hiện!** Vô biến dị nghĩa là không phóng, không vút, không bỏ khả được. Vô biến dị đây do vô biến dị không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. **Thiện Hiện!** Đây là vô biến dị không.

Thiện Hiện thưa **Phật**: **Bạch Thế Tôn!** Vì sao bản tánh không? **Phật** bảo: **Thiện Hiện!** Bản tánh nghĩa là bản tánh tất cả pháp. Hoặc tánh pháp hữu vi, hoặc tánh pháp vô vi đều chẳng phải Thanh văn làm ra, chẳng phải Độc giác làm ra, chẳng phải Bồ-tát làm ra, chẳng phải Như Lai làm ra, cũng chẳng phải nào ai làm ra. Bản tánh đây do bản tánh không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. **Thiện Hiện!** Đây là bản tánh không.

Thiện Hiện thưa **Phật**: **Bạch Thế Tôn!** Vì sao tự tướng không? **Phật** bảo: **Thiện Hiện!** Tự tướng nghĩa là tự tướng tất cả pháp. Như biển ngăn là tự tướng sắc, lãnh nập là tự tướng thọ, lấy tượng là tự tướng tưởng, tạo tác là tự tướng hành, rõ biết là tự tướng thức. Như vậy thấy, hoặc tự tướng pháp hữu vi, hoặc tự tướng pháp vô vi. Tự tướng đây do tự tướng không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. **Thiện Hiện!** Đây là tự tướng không.

Thiện Hiện thưa **Phật**: **Bạch Thế Tôn!** Vì sao cộng tướng không? **Phật** bảo: **Thiện Hiện!** Cộng tướng nghĩa là cộng tướng tất cả pháp. Như khổ là cộng tướng pháp hữu lậu, vô thường là cộng tướng pháp hữu vi; không, vô ngã là cộng tướng tất cả pháp. Như vậy thấy có vô lượng cộng tướng. Cộng tướng đây do cộng tướng không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. **Thiện Hiện!** Đây là cộng tướng không.

Thiện Hiện thưa **Phật**: **Bạch Thế Tôn!** Vì sao tất cả pháp không? **Phật** bảo: **Thiện Hiện!** Tất cả pháp nghĩa là năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới. Hoặc pháp hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi. Tất cả pháp đây do tất cả pháp không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. **Thiện Hiện!** Đây là tất cả pháp không.

Thiện Hiện thưa **Phật**: **Bạch Thế Tôn!** Vì sao bất khả đắc không? **Phật** bảo: **Thiện Hiện!** Bất khả đắc, nghĩa là tất cả pháp trong đây bất khả đắc. Như quá khứ bất khả đắc, vị lai bất khả đắc, hiện tại bất khả đắc. Như quá khứ không có vị lai hiện tại khả đắc. Như vị lai không có quá khứ hiện tại khả đắc. Như hiện tại không có quá khứ vị lai khả đắc. Bất khả đắc đây do bất khả đắc không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. **Thiện Hiện!** Đây là bất khả đắc không.

Thiện Hiện thưa **Phật**: **Bạch Thế Tôn!** Vì sao vô tánh không? **Phật** bảo: **Thiện Hiện!** Vô tánh, nghĩa là trong đây không có chút tánh khả được. Vô tánh đây do vô tánh không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. **Thiện Hiện!** Đây là vô tánh không.

Thiện Hiện thưa **Phật**: **Bạch Thế Tôn!** Vì sao tự tánh không? **Phật** bảo: **Thiện Hiện!** Tự tánh nghĩa là các pháp năng hòa hợp tự tánh. Tự tánh đây do tự tánh không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. **Thiện Hiện!** Đây là tự tánh không.

Thiện Hiện thưa **Phật**: **Bạch Thế Tôn!** Vì sao vô tánh tự tánh không? **Phật** bảo: **Thiện Hiện!** Vô tánh tự tánh nghĩa là các pháp không có năng hòa hợp tự tánh, không có sở hòa hợp tự tánh. Vô tánh tự tánh đây do tự tánh không. Vì có sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh vậy là vậy. **Thiện Hiện!** Đây là vô tánh tự tánh không.

Lại nữa, **Thiện Hiện!** Hữu tánh do hữu tánh không. Vô tánh do vô tánh không. Tự tánh do tự tánh không. Tha tánh do tha tánh không.

Vì sao hữu tánh do hữu tánh không? Hữu tánh nghĩa là năm uẩn. Hữu tánh đây do hữu tánh không là vì năm uẩn sanh tánh bất khả đắc vậy. Đây là hữu tánh do hữu tánh không.

Vì sao vô tánh do vô tánh không? Vô tánh nghĩa là vô vi. Vô tánh đây do vô tánh không. Đây là vô tánh do vô tánh không.

Vì sao tự tánh do tự tánh không? Nghĩa là tất cả pháp đều là tự tánh không. Không đây chẳng phải trí làm ra, chẳng phải kiến làm ra, cũng chẳng phải nào ai khác làm ra được. Đây là tự tánh do tự tánh không.

Vì sao tha tánh do tha tánh không? Nghĩa là hoặc Phật ra đời, hoặc chẳng ra đời, tất cả pháp pháp trụ, pháp định, pháp tánh, pháp giới, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, chơn như, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, thật tế đều do tha tánh, nên không. Đây là tha tánh do tha tánh không.

Thiện Hiện! Phải biết đây là tướng Đại thừa Bồ-tát Ma-ha-tát.

--- o0o ---